

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 271/2025/HSPT

Ngày: 17 - 11 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Thái Lan

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Khổng Thị Hoa - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 278/2025/TLPT-HS ngày 13/10/2025 đối với bị cáo Lê Quang T phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo Lê Quang T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST, ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Lê Quang T** - Sinh ngày 20 tháng 01 năm 1993, tại: tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk);

Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Quang V, sinh năm 1960 và bà Lường Thị C, sinh năm 1961; Bị cáo có vợ là bà Trần Thị Bích T1, sinh năm 2001 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2025 - Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:**

1. Ông Phùng Xuân D, sinh năm 1991; trú tại: Thôn C, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Trần Vũ Quốc T2, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố I, phường B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn P; sinh năm 1990 và bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1993;

Cùng trú tại: Số A Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Điều vắng mặt.

2. Ông Lê Quang V, sinh năm 1960 và bà Lương Thị C, sinh năm 1961; Cùng trú tại: Thôn A, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Điều Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Bích T1, sinh năm 2001; trú tại: Số A Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Thiên T3, sinh năm 1990; trú tại: Số A đường L, phường B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đăng T4, sinh năm 1997, trú tại: Thôn B, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7 năm 2023, do kinh doanh bất động sản thua lỗ, dẫn đến nợ tiền nhiều người, nên Lê Quang T đã nảy sinh ý định đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mạng internet nhằm mục đích đem đi thế chấp để lấy tiền trả nợ. Lê Quang T đã lên mạng Facebook sử dụng tài khoản mang tên “TY Le” tìm kiếm hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, mã vạch 13994213156314, có thông tin thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 53, diện tích 396,7m², địa chỉ xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc phường E, tỉnh Đắk Lắk) để đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. T sử dụng mạng Facebook tìm kiếm tài khoản nhận làm giả giấy tờ, rồi nhắn tin thoả thuận muốn làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, mã vạch 13994213156314 giả, thì tài khoản nhận làm giả đồng ý và thoả thuận chi phí là 5.000.000 đồng/01 giấy tờ giả, nhận hàng sau 01 tuần, thông qua xe khách từ thành phố Hồ Chí Minh, trả tiền trực tiếp cho xe khách. Khoảng 01 tuần sau, T nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, mã vạch 13994213156314 giả thông qua xe khách (không xác định nhà xe). Sau đó, Lê Quang T đã sử dụng giấy tờ giả đã đặt làm để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 người, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 05 tháng 8 năm 2023, Lê Quang T liên hệ với anh Trần Vũ Quốc T2, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc phường B, tỉnh Đắk Lắk) nói muốn vay số tiền 150.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, mã vạch 13994213156314, thì ông T2 đồng ý, nhưng yêu cầu T phải viết hợp đồng mua bán đất, nếu trong thời hạn 30 ngày nếu T không trả nợ thì ông T2 sẽ lấy thửa đất có thông tin như trên để trừ nợ. Ngày 06 tháng 8 năm 2023, ông T2 cùng với bạn là Trần Thiên T3, sinh năm 1990, trú tại số A đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đến quán cà phê trên đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk gặp và giao cho T số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó, T viết giấy “Hợp đồng mua bán đất” cho ông T2, rồi T đưa ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 256520, mã vạch 13994213156314 cho ông T2 cất

giữ. Khi hết thời hạn 30 ngày, do không có khả năng trả nợ nên T đã bỏ trốn khỏi địa phương, ông T2 nhiều lần liên lạc với T nhưng không được, nên ông T2 đến nhà của T để tìm, nhưng được gia đình T cho biết T đã bỏ đi khỏi địa phương. Do nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 256520, mã vạch 13994213156314 là giả, nên ông T2 đã đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để kiểm tra, thì được biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 256520, mã vạch 13994213156314 mà T giao là giấy tờ giả, nên ông T2 đã làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an.

* Tại Kết luận giám định số 1429/KL-KTHS ngày 11 tháng 12 năm 2023, của Phòng K - Công an tỉnh Đ, kết luận:

“1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 256520, mã vạch 13994213156314, mang tên Lê Quang T (ký hiệu A1) được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

2. Chữ ký mang tên Trần Minh L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên Trần Minh L trong mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ★ TỈNH ĐẮK LẮK ★ CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

* Tại Kết luận giám định số 77/KL-KTHS ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận:

“Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Quang T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết trong tài liệu so sánh ký hiệu m1 do cùng một người ký, viết ra”.

Vụ thứ hai: Ngày 17 tháng 8 năm 2023, T đến nhà gặp ông Phùng Xuân D, sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk) để vay số tiền 50.000.000 đồng, thì ông D hỏi T có tài sản gì để thế chấp không, thì T đã đưa ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, mã vạch 13994213156314 cho ông D xem. Để tạo thêm sự tin tưởng T dẫn ông D đến thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xem 01 thửa đất trống và nói đây là thửa đất có thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, mã vạch 13994213156314 mà T định thế chấp. Sau khi xem, ông D đã đồng ý cho T vay số tiền 50.000.000 đồng, thoả thuận vay trong thời gian 01 tháng, không lãi suất, nếu hết thời hạn mà T không trả nợ thì phải làm thủ tục bán, sang tên thửa đất trên cho ông D. Cùng ngày, tại nhà ông D ở thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk), T viết 01 giấy vay tiền với nội dung vay số tiền 50.000.000 đồng và có để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, sau khi ông D đưa số tiền mặt 50.000.000 đồng thì T đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, mã vạch 13994213156314 cho ông Dương G. Đến ngày 18 tháng 8 năm 2023, T liên hệ với

ông D nói muốn vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, do đã có tài sản thế chấp nên ông D đồng ý rồi T hẹn ông D đến quán cà phê 1997, địa chỉ thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) do anh Nguyễn Đăng T4, sinh năm 1997, trú tại thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk) làm chủ quán, để giao tiền. Khi đến nơi ông D đưa tờ giấy vay tiền vào ngày 17 tháng 8 năm 2023 để T viết thêm nội dung vay thêm số tiền 50.000.000 đồng vào mặt sau tờ giấy, rồi ông D đưa cho T số tiền mặt 50.000.000 đồng. Sau khi hết thời hạn vay, mà không thấy T trả lại tiền, thì ông D đã nhiều lần liên lạc với T nhưng không được. Nên ông D đã đến nhà của T để tìm, nhưng được gia đình T cho biết T đã bỏ đi khỏi địa phương. Do nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 256520, mã vạch 13994213156314 là giả, nên ông D đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để kiểm tra, thì được biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 256520, mã vạch 13994213156314 mà T đã giao cho ông D là giấy tờ giả. Đến ngày 24 tháng 4 năm 2025, ông D đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ giải quyết.

* Tại Kết luận giám định số 747/KL-KTHS ngày 21 tháng 5 năm 2025, của Phòng K - Công an tỉnh Đ, kết luận:

“1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP256520, số vào sổ cấp GCN: CS – 32428, người sử dụng đất chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Lê Quang T, sinh năm: 1993, CCCD số: 038093038119, địa chỉ thường trú: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (ký hiệu A1) là giả; Phương pháp làm giả là in phun màu.

2. Chữ ký mang tên Trần Minh L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên Trần Minh L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, không phải do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ★ TỈNH ĐẮK LẮK ★ CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM” tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, không phải cùng một phương pháp tạo ra”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2025/HS-ST, ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang T phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Quang T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Quang T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo

Lê Quang T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/3/2025.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2025, bị cáo Lê Quang T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa: Xét thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Quang T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có phần nghiêm khắc. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại được người bị hại làm đơn bãi nại nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm số 43/2025/HS-ST, ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Quang T 03 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Quang T 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo Lê Quang T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 năm tù.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung án sơ thẩm, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian tháng 8 năm 2023 bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi gian dối bằng cách sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CP 256520, mã vạch 13994213156314 giả, bị cáo đã đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mạng internet vào tháng 7/2023 để sử dụng thế chấp vay tiền của các bị hại làm cho các bị hại tin tưởng cho bị cáo vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của các bị hại. Cụ thể, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Trần Vũ Quốc T2 số tiền 150.000.000 đồng, chiếm đoạt của bị hại

Phùng Xuân D 100.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lê Quang T phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của cáo bị cáo:

Sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương. Sau đó bị cáo đã ra đầu thú tại Cơ quan Công an, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là có thiếu sót. Mặc dù áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt; bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại; được người bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt. Hành vi gian dối của bị cáo không chỉ dừng lại ở một lần mà được thực hiện nhiều lần hòng chiếm đoạt số tiền lớn của bị hại nên cần xử lý nghiêm minh. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang T xin giảm nhẹ hình phạt. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2025/HS-ST, ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang T phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g

khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo. Buộc bị cáo Lê Quang T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/3/2025.

[3] Về án phí Hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Lê Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 - Đắk Lắk
- VKSND khu vực 1 - Đắk Lắk
- Phòng THADS khu vực 1- Đắk Lắk
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My